

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

ThS. NGUYỄN THỊ THU HÀ\*

Theo UNESCO, có ba thành tố hợp thành năng lực con người, đó là kiến thức, kĩ năng (KN) và thái độ. Hai yếu tố sau thuộc về kĩ năng sống (KNS), có vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách, bản lĩnh, tinh chuyên nghiệp của một con người. Giáo dục kĩ năng sống (GDKNS), vì vậy, đã trở thành một nhu cầu, một thang giá trị trong nền học vấn toàn cầu. Nhận thức về tầm quan trọng đó, bài viết tập trung làm rõ nhu cầu GDKNS và các biện pháp quản lý (QL) GDKNS đối với một bộ phận quan trọng trong xã hội - sinh viên (SV).

## 1. Tầm quan trọng của việc GDKNS cho SV hiện nay

KNS là khả năng thích nghi và hành vi tích cực cho phép cá nhân có khả năng đối phó hiệu quả với nhu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày. KNS có thể hình thành từ nhiều con đường như bắt chước, tương tác, trải nghiệm nhưng cơ bản nhất vẫn là thông qua quá trình giáo dục. Sở dĩ như vậy là bởi hoạt động GDKNS giúp người học hình thành và phát triển những thói quen, hành vi, thái độ tích cực, lành mạnh trong việc ứng xử các tình huống của cuộc sống cá nhân và tham gia đời sống xã hội, qua đó hoàn thiện nhân cách và định hướng phát triển bản thân tốt hơn dựa trên nền tảng các giá trị sống.

Những tiến bộ của khoa học cũng như xu thế toàn cầu hóa đã kết nối nhân loại thông qua nhu cầu hiểu biết và chia sẻ những giá trị chung. Trong khi đó, Việt Nam đang chuyển đổi nhanh sang nền kinh tế thị trường và hội nhập sâu rộng vào đời sống quốc tế. Vấn đề đặt ra là phải xây dựng một đội ngũ tiên phong, trong đó lực lượng thanh niên mà nòng cốt là đội ngũ SV phải được chú trọng trang bị toàn diện, không chỉ về kiến thức mà cả KNS để hòa nhập một cách hiệu quả với nhân loại - hòa nhập mà không hòa tan.

Sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước ta chính là sự nghiệp vì con người. Các văn kiện quan trọng của Đảng đều khẳng định con người vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra là phải xây dựng con người Việt Nam có trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng ngang tầm sự

ng nghiệp đổi mới vì dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh. Trong những thập niên qua, nền giáo dục Việt Nam rất chú trọng đến cung cấp kiến thức, tuy nhiên, đó chỉ là điều kiện cần chứ chưa đủ, bởi trong bối cảnh mới, sự đa dạng và phức tạp của cuộc sống đương đại khiến cho một bộ phận lớn SV Việt Nam chưa thích ứng kịp, tỏ ra lúng túng, khó khăn trong việc hòa nhập, thậm chí một số em đã trượt ngã, đánh mất mục tiêu ban đầu mà mình từng lựa chọn. Trong số những nguyên nhân đưa đến tình trạng đó, có lí do quan trọng là chưa chú trọng đúng mức đến GDKNS trong hệ thống giáo dục nước ta nói chung và trong môi trường đại học nói riêng. Trong khi đó, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trong các yếu tố quyết định sự thành công của con người, KNS đóng góp đến khoảng 85%.

SV là lớp người ưu tú của thế hệ trẻ. Đại bộ phận SV đang nỗ lực miệt mài học tập và phấn đấu trên giảng đường đại học. Họ là tầng lớp trí thức nhạy bén, đang trên con đường tìm tòi và khám phá những điều mới lạ, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho mình bước vào đời sau khi tốt nghiệp đại học. Tuy nhiên, hiện nay, một bộ phận SV xuất phát từ nhiều nguyên nhân (do tác động của mặt trái kinh tế thị trường, của toàn cầu hóa; do thái độ và quan điểm cá nhân trước các hiện tượng tiêu cực; do ngộ nhận về giá trị sống...) đã có những biểu hiện lệch chuẩn, thậm chí có hành vi phạm pháp gây hậu quả nghiêm trọng cho bản thân và xã hội. Chẳng hạn như xem trọng lợi ích cá nhân, xem nhẹ lợi ích tập thể; bàng quan trước đời sống chính trị đất nước, mơ hồ về quan điểm, ý thức chính trị; chạy theo thị hiếu không lành mạnh, đua đòi, nghiện hút, cờ bạc, trộm cắp, đua xe; ích kỉ trong lối sống, bê tha trong sinh hoạt cá nhân; học hành chểnh mảng... Trong khi đó, dù được đánh giá là thông minh, nhưng KN sáng tạo của người Việt Nam vẫn chưa phát huy, thậm chí vẫn nằm ở tầng dưới mức xếp loại toàn cầu. Có thể thấy rằng, từ nhu cầu thực tiễn cũng như nguyện vọng vươn tới mục tiêu hoàn thiện mình, KNS phải được nhận thức một cách sâu sắc và sớm có giải pháp triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống đối với nền giáo dục Việt Nam hiện đại.

\* Đại học Huế

## 2. Một số biện pháp QL GDKNS đối với SV

**1) Về nhận thức:** Quán triệt những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đường lối giáo dục hiện nay, trong đó có giáo dục đại học. Nhận thức và triển khai đầy đủ Thông tư số 04 năm 2014 của Bộ GD-ĐT Quy định QL hoạt động GDKNS và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (1). Cơ sở giáo dục phải nhận thức đúng vai trò và ý nghĩa của GDKNS trong việc góp phần củng cố, nâng cao kiến thức, KN, giáo dục nhân cách cho người học. Trên cơ sở đó, hiệu trưởng các trường đại học rà soát, đánh giá về điều kiện tiến hành GDKNS như cơ sở vật chất, đội ngũ GV, giáo trình, tài liệu liên quan...

- **Biện pháp 1:** Nâng cao nhận thức của các lực lượng giáo dục về ý nghĩa, lợi ích của hoạt động GDKNS cho SV. Xác định tầm quan trọng của công tác GDKNS: Thành công trong công tác giáo dục chính là làm cho các lực lượng tham gia nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác, thể hiện qua việc làm cho mọi lực lượng tham gia hiểu rõ ý nghĩa, lợi ích của hoạt động GDKNS cho SV.

Vì vậy, các nhà QL cần quan tâm đầu tư kỹ cho công tác chỉ đạo các lực lượng phối hợp thực hiện nhiệm vụ GDKNS một cách có hệ thống, đồng thời làm cho người được giáo dục (SV) ý thức được hoạt động GDKNS là hoạt động thiết thực đáp ứng tốt nhu cầu của bản thân họ và nhu cầu của xã hội. Từ đó, người được giáo dục mới tự nguyện chấp nhận những yêu cầu của nhà giáo dục để từng bước lĩnh hội tri thức, rèn luyện KN, trang bị dần những thao tác ứng xử, giao tiếp, đối phó với những thách thức của cuộc sống.

Về phía người thực hiện nhiệm vụ giáo dục cần phải hiểu rõ việc thực hiện công tác giáo dục, rèn luyện cho SV các KN nhận biết và sống với chính mình như: KN tự nhận thức, lòng tự trọng, sự kiên quyết, KN biết đương đầu với cảm xúc,... là một nhiệm vụ cần thiết cũng như việc giáo dục cho SV KN nhận biết và sống với người khác; KN ra quyết định trong công việc, trong cuộc sống cũng là nhiệm vụ không kém phần quan trọng.

Các nhà QL nên thường xuyên nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục bằng cách: - Tổ chức cho GV nghe nói chuyện, tìm hiểu về sự cần thiết của công tác GDKNS; - Tạo điều kiện cho 100% các lực lượng giáo dục được tập huấn về công tác này; - Mời chuyên gia đến trường bồi dưỡng cho lực lượng giáo dục về KN, kinh nghiệm thực hiện công tác GDKNS cho SV,...

**2) Về chuyên môn.** Xác định rõ GDKNS là một công tác của nhà trường, của các lực lượng giáo dục: một tập thể sư phạm đoàn kết, gắn bó thì hiệu quả

công tác giáo dục cao. Công tác GDKNS là một công tác còn rất mới trong nhà trường. Do vậy, người QL cần phải có biện pháp đảm bảo sự nhất trí cao về yêu cầu GDKNS cho SV giữa các thành viên trong nội bộ nhà trường.

- **Biện pháp 2:** Phải xác định rõ trong tập thể sư phạm công tác GDKNS là một công tác của nhà trường, của các lực lượng giáo dục nhằm xây dựng ý thức cộng đồng trách nhiệm, tinh thần phối hợp nhịp nhàng tạo hiệu quả giáo dục cao. Ví dụ: - Mở hội thảo để GV toạ đàm về tầm quan trọng của công tác GDKNS cho SV; - Nhân rộng những nhân tố tích cực trong việc giáo dục, rèn KNS cho SV.

- **Biện pháp 3:** Tăng cường các biện pháp khích lệ về tinh thần (thi đua, khen thưởng) để các lực lượng tích cực tìm hiểu và có những hoạt động nhằm giáo dục, rèn KNS cho SV. Xây dựng môi trường học tập tốt ở trường và cộng đồng nhằm tạo được một khối đoàn kết, nhất trí cao trong việc giáo dục SV.

- **Biện pháp 4:** Làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ về yêu cầu GDKNS. Bên cạnh đó, sách báo, tạp chí, tivi,... cũng là những phương tiện tuyên truyền hỗ trợ tốt cho công tác góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ về yêu cầu GDKNS cho SV. Triển khai các văn bản chỉ đạo về GDKNS của ngành đến với đội ngũ thầy trò và các lực lượng giáo dục. Giới thiệu những trang web hay có liên quan đến việc GDKNS cho SV. Trang bị những tạp chí, sách báo liên quan đến công tác GDKNS,...

- **Biện pháp 5:** Tăng cường các biện pháp tổ chức, QL hoạt động GDKNS cho đội ngũ QL trong nhà trường: - Kế hoạch hóa công tác GDKNS: người QL phải luôn ghi nhớ rằng việc lập kế hoạch là hành động đầu tiên của nhà QL. Phân tích kỹ nhu cầu và khả năng để xác định đúng phương hướng hoạt động và phát triển công tác GDKNS cho SV. Lập kế hoạch tổng thể đối với công tác GDKNS. Đưa công tác nội dung GDKNS tích hợp trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trong việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt giao lưu với các đơn vị, đoàn thanh niên...; - Thực hiện nghiêm túc sự phân cấp QL, trách nhiệm và quyền hạn của đội ngũ cán bộ QL; - Ngoài ra, cũng cần phải có kế hoạch theo dõi tiến độ, mức độ công tác, có kế hoạch kiểm tra giám sát việc QL công tác GDKNS cho SV trong nhà trường. Do GDKNS là một công tác ít nhiều còn lạ lẫm đối với xã hội ta nên chưa được sự quan tâm đúng mức. Vì thế, người QL sau khi xây dựng tốt kế hoạch GDKNS cho SV thì tiến tới bước triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch.

Cần chú trọng xây dựng hoàn thiện đội ngũ GV trong nhà trường. Họ là đội ngũ quyết định đến chất lượng dạy học trong đó có công tác GDKNS cho SV. Họ trực tiếp thực hiện công tác rèn luyện cho các em những KN cần thiết như KN học tập, KN giao tiếp ứng xử trong các mối quan hệ, KN tự nhận thức,... để hiểu biết bản thân, tự bảo vệ mình và hòa nhập cộng đồng.

Chú trọng công tác bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ GV về lĩnh vực KNS; Tiến hành GDKNS phải là nhiệm vụ thường xuyên được triển khai đồng bộ trong nhà trường, có hiệu quả thông qua hình thức dạy lồng ghép hay các hoạt động ngoại khóa. GDKNS trong các giờ lên lớp hay ngoại khóa phải thiết thực, uyển chuyển và mềm hóa các kiến thức, tránh hiện tượng giáo điều, nặng về lí luận, nói những cái cao xa không phù hợp với tâm lí SV và bối cảnh cuộc sống hiện nay. Để đảm bảo những yêu cầu trên, từ người dạy đến chương trình và thời gian thực hiện phải được thiết kế ưu tiên cho các hoạt động giao lưu, tương tác, trải nghiệm... tạo cơ hội cho SV khắc sâu kiến thức, sống trong các tình huống cụ thể để từ đó hình thành và thuần thục các KN thích ứng trước mọi thách thức.

**3) Về kiểm tra, đánh giá.** Kiểm tra, đánh giá là khâu quan trọng phải được tiến hành thường xuyên nhằm sớm phát hiện những hiện tượng bất cập để điều chỉnh hợp lí bảo đảm nội dung, phương pháp, thời gian mà cốt lõi nhất là chất lượng của việc GDKNS. Kiểm tra là một chức năng cơ bản và quan trọng của QL. Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không lãnh đạo. Kiểm tra trong QL là một nỗ lực có hệ thống nhằm thực hiện ba chức năng: phát hiện, điều chỉnh và khuyến khích. Nhờ có kiểm tra mà người cán bộ QL có được thông tin để đánh giá được thành tựu công việc và uốn nắn, điều chỉnh hoạt động một cách đúng hướng nhằm đạt mục tiêu

Các trường đại học cần đề ra khung chuẩn bao gồm các tiêu chí cần đạt được của mỗi SV về chất lượng kiến thức (văn hoá), chất lượng KN (KNS), chất lượng thái độ (đạo đức). Cần phối hợp chặt chẽ với các nhà tuyển dụng, các cơ sở sử dụng người lao động để nắm bắt thông tin về SV - sản phẩm đào tạo và phải chịu trách nhiệm trước xã hội về sản phẩm đó. Cần lưu ý rằng, SV - nguồn lực lao động chất lượng cao - không chỉ làm việc ở trong nước mà đang gia nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường lao động khu vực và quốc tế. Bởi thế, đây không chỉ thể hiện năng lực đào tạo của một nền giáo dục mà còn phản ánh bộ mặt của quốc gia trước cộng đồng quốc tế.

- **Biện pháp 6:** Chú trọng các biện pháp thi đua khen thưởng: Việc khen thưởng, chê trách đúng và kịp thời có ý nghĩa tích cực đối với hoạt động của con

người. Đây là một cách thức tác động vào tâm lí của cá nhân và của tập thể. Các hình thức khen thưởng một cách trân trọng trước tập thể làm cho đối tượng QL phấn khởi, tích cực hoạt động và giúp họ tự khẳng định mình. Việc trách phạt thật tế nhị, khéo léo khi cần thiết sẽ giúp cho đối tượng QL tự điều chỉnh bản thân. Tuy nhiên, không nên lạm dụng thái quá phương pháp này. Phải cân nhắc thận trọng, lường trước hiệu quả, hậu quả, tác dụng giáo dục của việc khen, chê đồng thời tính đến đặc điểm tâm lí cá nhân của người được khen hay bị chê.

**4) Về công tác phối hợp.** Trong năm học, GV cần chủ động phối hợp chặt chẽ với gia đình và chính quyền địa phương để QL tốt quá trình học tập rèn luyện của SV. Tăng cường phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường, trong đó quan trọng nhất là vai trò đoàn thể của nhà trường. Tổ chức chính trị này cần xây dựng các mô hình hoạt động, cụ thể là câu lạc bộ, các diễn đàn SV và các chương trình ngoại khóa, đẩy mạnh mô hình nghiên cứu khoa học trẻ... nhằm tạo ra những sân chơi bổ ích, sáng tạo nhằm cuốn hút và tập hợp SV. Tăng cường công tác QL kí túc xá, xây dựng kí túc xá đạt chuẩn đảm bảo những điều kiện ăn ở, sinh hoạt, vui chơi giải trí cho SV...

**3. Xuất phát từ yêu cầu đổi mới giáo dục đại học gắn liền với thực tiễn, với nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, do đó tổ chức và QL các hoạt động GDKNS cho SV đại học là một hoạt động giáo dục bắt buộc và càng trở nên cấp bách và cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh tuyên truyền về nhận thức, vấn đề đặt ra lúc này là phải đẩy mạnh thực hiện các hoạt động thực tiễn cũng như tăng cường các biện pháp GDKNS một cách hiệu quả nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao (đại học) như kì vọng của xã hội và đáp ứng thang giá trị chuẩn không chỉ ở trong nước mà cả khu vực và thế giới. □**

(1) Bộ GD-ĐT. Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT Quy định quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, ban hành ngày 28/2/2014.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quốc Bảo. *Nền giáo dục phát triển nhân văn và trường học thân thiện - Quan điểm và giải pháp.* Tài liệu giảng dạy cho học viên cao học quản lí giáo dục, H. 2009.
2. Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Đắc Hưng. **Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai - vấn đề và giải pháp.** NXB Chính trị quốc gia H. 2004.
3. Chính phủ. *Điều lệ trường cao đẳng, đại học. Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg.*
4. ĐHQG Hà Nội, Khoa Sư phạm. *Giáo dục đại học (Tài liệu bồi dưỡng dùng cho các lớp Giáo dục học đại học và nghiệp vụ sư phạm đại học),* H. 2003.

(Xem tiếp trang 21)

Bảng 2. Ý kiến của GV, SV Trường ĐHHP về việc xác định khái niệm nền tảng của LTHTC

Khái niệm \ Ý kiến	GV		SV	
	SL	%	SL	%
HHT	9	100	59	69,4
Học tương tác	9	100	50	58,8
Học tham gia	6	66,7	32	37,6
Học độc lập	5	55,6	16	18,8
Học hiểu	4	44,4	48	56,4
Học thụ động	0	0	0	0

cho rằng học thụ động là khái niệm nền tảng của LTHTC; + Về phía SV, 59 ý kiến (69,4%) cho rằng HHT là khái niệm nền tảng của LTHTC. Và không có ý kiến nào lựa chọn khái niệm học thụ động.

**3) Việc vận dụng LTHTC trong môn GDH ở Trường ĐHHP.** Để tìm hiểu thực trạng vận dụng, chúng tôi đã sử dụng phiếu điều tra với các câu hỏi mở như: a) Thầy, cô đã vận dụng LTHTC trong QTDH môn GDH như thế nào?; b) Theo thầy cô, LTHTC có thể vận dụng ở phạm vi nào trong QTDH môn học; c) Thầy, cô hãy xác định mục tiêu của bài dạy mà thầy, cô đã lên lớp; d) Thầy, cô phân tích những kĩ năng sẽ hình thành cho SV trong QTDH môn học; đ) Theo thầy, cô năng lực cần hình thành cho SV trong QTDH môn GDH là gì?, *kết quả cho thấy:* - Phần lớn GV được hỏi (80%) trả lời chưa vận dụng LTHTC trong QTDH môn GDH. Tuy nhiên, khi thực hiện những trao đổi trực tiếp với GV, chúng tôi nhận thấy lí thuyết này đã được GV vận dụng một cách không ý thức. Nói cách khác, GV đã vận dụng những khía cạnh khác nhau của LTHTC nhưng trên bình diện của những phương pháp và kĩ thuật sư phạm khác; - Có 66,7% ý kiến GV được hỏi đã cho rằng họ chỉ vận dụng lí thuyết học tập trong một số bài cụ thể của chương trình GDH. Với câu hỏi c và d, có 63,34% số GV thực hiện đúng yêu cầu. Như vậy, viết mục tiêu DH và xác định kĩ năng cho SV trong QTDH môn học đã được phần lớn GV thực hiện có kết quả. Tuy nhiên, khi đối chiếu với các yêu cầu về mục tiêu cần đạt được theo LTHTC, việc xác định mục tiêu của GV chưa đạt đến các yêu cầu của LTHTC.

Nhận định trên được khẳng định qua kết quả câu hỏi đ mà GV thực hiện. Với câu hỏi này, hầu hết GV đều không thực hiện được. Những năng lực GV liệt kê thiên về kĩ năng. Như vậy, quan niệm về năng lực chưa được GV nhận thức đúng với bản chất của nó, do vậy, việc ứng dụng thực tiễn lí thuyết này với họ là một khó khăn.

3. Thực trạng vận dụng LTHTC trong QTDH môn GDH của GV Trường ĐHHP cho thấy, cần thiết phải có những nghiên cứu nhằm gia tăng khả năng ứng dụng lí thuyết này trong QTDH môn GDH nói riêng và trong QTDH nói chung ở các trường ĐH. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bảo. "Phát huy tính tích cực tự học của học sinh trong quá trình dạy học". Bộ GD-ĐT, Vụ giáo viên.
2. Hoàng Chung. **Phương pháp thống kê toán học trong giáo dục học.** NXB Giáo dục, H. 2000
3. Janet Raynor, Elspeth Page and Lucian Ciolan. *Active Learning Methodology handbook for Trainers,* 2007.
4. Jean - Marc Denomme & Madeleine Roy. **Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác.** NXB Thanh niên, H. 2000.

#### SUMMARY

*The paper analyzes the status theory apply active learning in school education teaching courses at the University of Hai Phong, to explore perceptions of faculty and students in active learning theory, role and scope importance of active learning, as well as the level of theory applied in the process of active learning pedagogy teaching subjects. The author uses research methods such as project time, observing teaching and learning activities in the classroom of the teacher and students. On that basis, there will be solutions to overcome these limitations to positive cultural learning activities for students.*

## Một số giải pháp quản lí...

(Tiếp theo trang 15)

5. Đặng Thành Hưng. "Kĩ năng dạy học và tiêu chí tự đánh giá". Tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 83 (tháng 1/2013).
6. Phạm Minh Hạc. **Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI.** NXB Chính trị quốc gia, H. 2002.

#### SUMMARY

*Originating in requirements of university education innovation associated with the reality, with the focus task is improving comprehensively the quality of education activities for students is a compulsory educational one and becomes more urgent and necessary in present context. Besides the awareness propagation, the question is posed is that strengthening the reality activities as well as reinforcing of life skill education method effectively to create high - quality human resources (BA) as the society expectation and meet the standard not only of the inland but also the region and the world.*